

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ THANH

BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP
CHO TRẺ TỰ KỶ 3 - 4 TUỔI

Chuyên ngành: Giáo dục học

Mã số: 62.14.01.02

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Hà Nội – 2014

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS Nguyễn Văn Lê
2. PGS.TS Lê Văn Tạc

Phản biện 1: PGS.TS. Đặng Thành Hưng

Đơn vị công tác: Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 2

Phản biện 2: PGS.TS. Vũ Trọng Rỹ

Đơn vị công tác: Viện Khoa học giáo dục Việt Nam

Phản biện 3: PGS.TS. Trần Thị Tuyết Oanh

Đơn vị công tác: Trường ĐH Sư phạm Hà Nội

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Viện họp tại Viện
khoa học Giáo dục Việt Nam.

Vào hồi giờ ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Viện khoa học giáo dục Việt Nam

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Thị Thanh (2008), “Biện pháp khắc phục hành vi bất thường cho trẻ tự kỷ” *Tạp chí khoa học giáo dục* (số 31), trang 13 – 16
2. Nguyễn Thị Thanh (2013), “Đặc điểm giao tiếp của trẻ tự kỷ”, *Tạp chí Thiết bị giáo dục* (số 89), trang 42 – 46
3. Nguyễn Thị Thanh (2013), “Đánh giá trẻ tự kỷ”, *Tạp chí Thiết bị giáo dục* (số 90), trang 10 - 14
4. Nguyễn Thị Thanh (3/2013), “Biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ tự kỷ”, *Tạp chí khoa học giáo dục* (số 90) trang 53 - 56
5. Nguyễn Thị Thanh (11/2013), “Vai trò của nhân viên công tác xã hội với trẻ em”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học* Trường Cao đẳng sư phạm Trung ương
6. Nguyễn Thị Thanh (12/2013), “Biện pháp nâng cao chất lượng thực hành, thực tập lớp song ngành Giáo dục mầm non và Giáo dục đặc biệt”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học* Trường Cao đẳng sư phạm Trung ương

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu

Trẻ tự kỷ (TTK) là những trẻ bị mắc một tổ hợp những khiếm khuyết về thần kinh, dẫn đến trẻ gặp những khó khăn về mặt giao tiếp, xã hội và hành vi... làm cho trẻ gặp khó khăn khi hoà nhập cộng đồng. Điều này, cho thấy mức độ ảnh hưởng của hội chứng này tới trẻ về mặt thể chất và tinh thần là rất đáng lo ngại. Mức độ Tự kỷ ở mỗi trẻ mắc phải có sự khác nhau từ nhẹ đến nặng và thời điểm triệu chứng thể hiện ra cũng khác nhau. Nhưng tất cả TTK đều có một điểm chung giống nhau là khó khăn về giao tiếp và tương tác xã hội.

Trong cuộc sống hàng ngày học tập ở trường TTK gặp khó khăn lớn nhất về giao tiếp, trẻ không biết giao tiếp bằng lời với cô giáo, các bạn và mọi người xung quanh. Trẻ sống và hoạt động theo thể giới riêng của trẻ, thu hẹp mình, khó tiếp thu được nội dung giao tiếp từ đối tượng giao tiếp và chương trình giáo dục... Mặt khác, thực tiễn hiện nay nghiên cứu về lĩnh vực giáo dục TTK còn mới mẻ ở nước ta nên giáo viên mầm non còn thiếu những kiến thức lý luận và kinh nghiệm thực tiễn cũng như chưa có những tư liệu hướng dẫn về vấn đề giao tiếp với TTK, nên gặp nhiều khó khăn khi giao tiếp với trẻ. Trong quá trình tổ chức các hoạt động hàng ngày các giáo viên chủ yếu làm theo cảm tính, trải nghiệm của bản thân mỗi người nên ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả giáo dục TTK chưa cao. Vì vậy, nghiên cứu “**biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK 3 - 4 tuổi**” sẽ góp phần nâng cao hiệu quả chăm sóc giáo dục TTK và đóng góp cho sự phát triển của khoa học giáo dục (GD) đặc biệt ở Việt Nam.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn về kỹ năng giao tiếp (KNGT) của TTK, luận án đề xuất các biện pháp tác động nhằm góp phần phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ Tự kỷ.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

- *Khách thể nghiên cứu:* Quá trình GD phát triển KNGT cho TTK 3- 4 tuổi.

- *Đối tượng nghiên cứu:* Các biện pháp phát triển KNGT cho TTK 3 - 4 tuổi.

4. Giả thuyết khoa học

KNGT của TTK còn nhiều hạn chế. Nếu xây dựng được các biện pháp phát triển KNGT cho TTK một cách đồng bộ từ gia đình đến nhà trường và xã hội, gắn kết giữa việc can thiệp và giáo dục, tạo cơ hội cho trẻ hòa nhập cộng đồng, thể hiện, trải nghiệm, luyện tập kỹ năng giao tiếp thì góp phần nâng cao hiệu quả việc chăm sóc, giáo dục cho trẻ Tự kỷ nói chung cũng như việc phát triển KNGT cho TTK nói riêng.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

5.1 Nghiên cứu cơ sở lý luận về kỹ năng giao tiếp của TTK.

5.2 Nghiên cứu, đánh giá thực trạng KNGT của TTK 3 - 4 tuổi;

5.3 Đề xuất các biện pháp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK 3 - 4 tuổi và tổ chức thực nghiệm sư phạm, nhằm kiểm chứng tính khả thi và hiệu quả giáo dục của các biện pháp đề xuất.

6. Phạm vi nghiên cứu:

Nghiên cứu và đề xuất một số biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK 3 - 4 tuổi đang học ở lớp hòa nhập ở trường mầm non (MN) không nghiên cứu TTK có đi kèm hội chứng Asperger, rối loạn phân rã, rối loạn phát triển lan tỏa, hội chứng Rett. Đề tài được thực hiện ở địa bàn Hà Nội.

7. Phương pháp nghiên cứu

7.1 Phương pháp nghiên cứu lý luận: Sử dụng các phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp phân loại và hệ thống hóa lý thuyết

7.2 Phương pháp nghiên cứu thực tiễn: Sử dụng các PP quan sát, điều tra, nghiên cứu sản phẩm GD, thực nghiệm sư phạm, nghiên cứu cá thể.

7.3 Phương pháp thống kê toán học: Sử dụng phần mềm SPSS 16.0 để phân tích và xử lý số liệu điều tra, nhằm định lượng và định tính kết quả nghiên cứu.

8. Những đóng góp mới của luận án

8.1. Về lí luận

- Làm sáng tỏ khái niệm và đặc trưng của quá trình phát triển kĩ năng giao tiếp của trẻ Tự kỷ, biện pháp phát triển kĩ năng giao tiếp cho trẻ Tự kỷ làm phong phú cơ sở lý luận về giáo dục cho TTK.
- Xác định những tác động của giáo viên trong môi trường giáo dục hòa nhập đến sự phát triển kĩ năng giao tiếp, tổng kết những nghiên cứu lý luận về giáo dục hòa nhập (GDHN) cho trẻ Tự kỷ.
- Xây dựng hệ thống biện pháp phát triển kĩ năng giao tiếp cho trẻ Tự kỷ trong lớp học hòa nhập ở trường mầm non, làm cơ sở để xây dựng tài liệu hướng dẫn cho phụ huynh và giáo viên (GV)

8.2. Về thực tiễn

Luận án đã đánh giá một cách toàn diện về thực trạng kĩ năng giao tiếp của trẻ tự kỷ và các biện pháp phát triển KNGT cho TTK trong các lớp hòa nhập ở trường mầm non hiện nay. Những biện pháp phát triển KNGT cho trẻ Tự kỷ 3 - 4 tuổi được đề xuất và kiểm chứng qua thực nghiệm sư phạm có giá trị trong GD trẻ tự kỷ và là tài liệu tham khảo cho công tác quản lý, nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non và thông tin cho cha mẹ trẻ trong giáo dục hòa nhập TTK lứa tuổi MN.

9. Bố cục của luận án

Luận án bao gồm phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục và 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn về phát triển KNGT cho TTK 3 – 4 tuổi

Chương 2: Đề xuất biện pháp phát triển kĩ năng giao tiếp cho trẻ Tự kỷ 3 – 4 tuổi

Chương 3: Thực nghiệm biện pháp phát triển KNGT cho trẻ Tự kỷ 3 – 4 tuổi

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN KNGT CHO TRẺ TỰ KỶ

1.1 Tổng quan vấn đề nghiên cứu

Nghiên cứu về trẻ tự kỷ, đặc điểm trẻ tự kỷ cũng như phát triển kĩ năng giao tiếp cho trẻ tự kỷ đã được nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước quan tâm. Các tác giả đã nghiên cứu vấn đề này theo những hướng cơ bản sau:

Một là, nghiên cứu làm rõ mức phát hiện trẻ tự kỷ. Hướng nghiên cứu này được thể hiện trong các công trình nghiên cứu của Leo Kanner, Han Asperger.

Hai là, nghiên cứu về đặc điểm trẻ tự kỷ được nhiều nhà khoa học dành nhiều năm để nghiên cứu và trở thành tác giả của nhiều công trình nghiên cứu, nhiều đầu sách tiêu biểu là các tác giả như Eric Schopler, Lorna Wing, Bryna Seigel, Rechar G.J... Các nhà nghiên cứu đã giúp công chúng hiểu rõ hơn về đặc điểm của trẻ tự kỷ cũng như những bí ẩn của của hội chứng này.

Ba là, nghiên cứu các công cụ chẩn đoán, đánh giá trẻ tự kỷ được thể hiện rõ trong các công trình nghiên cứu của Baron- Cohen, Allen và Gilber, Hội tâm thần học Hoa Kỳ... nghiên cứu công cụ chẩn đoán, đánh giá TTK MCHAT, CARS, PEP – R, DSM-IV.

Bốn là, Nghiên cứu về đặc điểm giao tiếp trẻ tự kỷ, phương pháp dạy trẻ tự kỷ được thể hiện rõ trong các công trình nghiên cứu của tác giả Ivar Lovaas; Quách Thúy Minh, Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Tinh Vân.

Năm là, nghiên cứu về cách giúp trẻ tự kỷ học hòa nhập ở trường MN được thể hiện rõ trong các công trình nghiên cứu của Cole.E.B., LingD, Nguyễn Thị Diệu Anh, Nguyễn Tinh Vân. Luận án này nghiên cứu theo hướng giao thoa giữa hướng thứ hai và thứ năm, nghiên cứu biện pháp phát triển KNGT cho TTK trong lớp học hòa nhập ở trường MN.

Đến nay, chưa có công trình nào được công bố tại Việt Nam đi sâu

ngiên cứu về phát triển KNGT cho TTK trong lớp học hòa nhập ở trường mầm non. Việc tìm hiểu và giới thiệu các kết quả nghiên cứu của các tác giả nước ngoài cũng hạn chế.

1.2 Một số khái niệm cơ bản

1.2.1 Kỹ năng: Kỹ năng là một vấn đề phức tạp cho đến nay vẫn tồn tại nhiều quan niệm khác nhau về kỹ năng. Trong nghiên cứu đề tài này, chúng tôi chọn quan niệm kỹ năng là khả năng của con người được thực hiện thuần thục trên kinh nghiệm của bản thân thông qua quá trình rèn luyện, luyện tập nhằm tạo ra kết quả mong đợi.

1.2.2 Kỹ năng giao tiếp

1.2.2.1 Giao tiếp: Trong đề tài này chúng tôi chọn khái niệm “Giao tiếp là sự truyền đạt, trao đổi thông tin qua việc hiểu ngôn ngữ và diễn đạt ngôn ngữ bằng lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ. Thông qua giao tiếp nhân cách được hình thành và phát triển” làm công cụ nghiên cứu.

1.2.2.2 Kỹ năng giao tiếp

Trong nghiên cứu đề tài này chúng tôi lựa chọn khái niệm KNGT là khả năng sử dụng hợp lý các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, biết cách tổ chức, điều chỉnh quá trình giao tiếp nhằm đạt mục đích giao tiếp. Đối với TTK chúng tôi tập trung tác động phát triển kỹ năng tập trung chú ý, kỹ năng bắt chước, kỹ năng luân phiên và kỹ năng hiểu, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ làm nền tảng để phát triển KNGT cho trẻ.

1.2.3 Biện pháp phát triển KNGT:

Biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK là những cách thức thực hiện các tác động giáo dục nhằm giúp TTK có kỹ năng trong quá trình giao tiếp như kỹ năng tập trung chú ý, bắt chước, luân phiên, nghe hiểu ngôn ngữ và kỹ năng sử dụng ngôn ngữ để diễn đạt ý hiểu của mình cho người khác hiểu nội dung giao tiếp.

1.2.4 Giáo dục hòa nhập: Giáo dục hòa nhập là phương thức giáo dục trong đó TTK cùng học với trẻ bình thường, trong trường phổ thông.

1.3 Những vấn đề chung về trẻ tự kỷ

1.3.1 Trẻ tự kỷ:

TTK là những trẻ thiếu quan hệ tiếp xúc về mặt tình cảm với người khác; thường lặp lại những thói quen thường ngày; chậm chễ trong ngôn ngữ nói hoặc ngôn ngữ nói khác thường; có những hành vi rập khuôn, định hình; khả năng tư duy trừu tượng kém.

1.3.2 Nguyên nhân trẻ tự kỷ

Từ khi phát hiện năm 1943 cho đến nay, khoa học vẫn chưa xác định chính xác nguyên nhân của Tự kỷ. Mỗi cách tiếp cận khác nhau đưa ra những giả thuyết khác nhau về Tự kỷ như: Do não bất thường; Do bệnh lý ở não; Do bất thường về nhiễm sắc thể; Do di truyền; Do hàm lượng thủy ngân cao trong máu; Do bộ phận tiêu hóa của trẻ kém; Do yếu tố môi trường.

Từ phân tích ở trên, chúng tôi có cách nhìn tổng quan về nguyên nhân của trẻ Tự kỷ, gồm có rất nhiều nguyên nhân. Có một nguyên nhân do yếu tố môi trường như: cho trẻ xem tivi nhiều, không cho trẻ giao tiếp, hòa nhập với mọi người xung quanh là cơ sở để luận án tiến hành xây dựng biện pháp tác động để khắc phục khiếm khuyết cho TTK.

1.3.3 Công cụ chẩn đoán, đánh giá trẻ tự kỷ

Chúng tôi sử dụng Sổ tay chẩn đoán và thống kê các rối nhiễu tâm thần DSM-IV, thang đánh giá (CARS) để xác định Tự kỷ, mức độ TK và Bảng liệt kê các kỹ năng phát triển Quyển 8 Small Step để đánh giá các mặt phát triển của trẻ làm cơ sở cho việc nghiên cứu luận án.

1.3.4 Đặc điểm giao tiếp của trẻ tự kỷ

* Sự hạn chế trên bình diện quan hệ: Trẻ bị suy giảm nhiều trong tương tác qua lại với mọi người, hầu hết TTK biểu hiện sự cô lập, thích chơi một mình, tránh giao tiếp với các bạn. Sự hạn chế trên bình diện quan hệ xã hội là một trong những rối loạn phổ biến nhất ở TTK. Từ sự rối loạn này nó ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển nhận thức nói chung và các kỹ năng quan hệ xã hội nói riêng của TTK.

* *Sự hạn chế trong nghe hiểu lời nói:* Trong giao tiếp thông thường hàng ngày TTK không quan tâm đến lời nói của đối tượng giao tiếp. Trẻ không hề có phản ứng khi gọi tên mình, không quan tâm đến mọi người xung quanh, không làm theo những hướng dẫn của người khác trong khi đó trẻ vẫn các kỹ năng nghe như trẻ bình thường.

* *Sự hạn chế trong diễn đạt lời nói:* Sự khiếm khuyết trong khả năng diễn đạt, sử dụng lời nói trong giao tiếp ở TTK rất phổ biến và thể hiện ở nhiều dạng khác nhau. Phần lớn mốc phát triển ngôn ngữ nói của TTK đều chậm hơn so với trẻ bình thường.

TTK có những đặc điểm riêng về giao tiếp, chú ý, trí tuệ, ngôn ngữ, hành vi, cảm giác, tương tác xã hội, giao tiếp... Dựa vào những cơ sở đó để chúng tôi tiến hành xây dựng biện pháp tác động để khắc phục khiếm khuyết cho TTK.

1.4 Phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ tự kỷ

1.4.1 Ý nghĩa phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ tự kỷ

Thông qua giao tiếp GV có thể biết được đặc điểm tâm lý, nhu cầu, nguyện vọng và những khó khăn của trẻ cũng như gia đình trẻ. Trên cơ sở đó giáo viên có thể trao đổi, phối hợp giữa nhà trường và gia đình, giữa GV và trẻ, giữa các GV với nhau để đưa ra nội dung, phương pháp giáo dục, can thiệp phù hợp và có hiệu quả cho trẻ.

1.4.2 Mục tiêu phát triển KNGT cho TTK

Mục tiêu của phát triển KNGT cho TTK là giúp trẻ sử dụng được các KNGT như: tập trung chú ý, bắt chước, luân phiên, nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói, sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để giao tiếp với mọi người xung quanh. Tạo tiền đề cho sự hình thành và phát triển nhân cách, phát triển kỹ năng xã hội, hòa nhập cộng đồng.

1.4.3 Nội dung phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ tự kỷ

Nội dung để phát triển KNGT cho TTK chính là các phát triển các kỹ năng cơ bản như: kỹ năng tập trung chú ý, bắt chước và luân phiên, hiểu ngôn

ngữ và sử dụng ngôn ngữ.

1.4.4 Con đường phát triển trẻ tự kỷ

Để phát triển KNGT cho TTK cần có các con đường chủ yếu như: Tổ chức các hoạt động can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập gắn kết nhau; cho trẻ giao lưu với cộng đồng như đi chợ, công viên, siêu thị, tham quan, dã ngoại; Tổ chức các hoạt động tại gia đình để phát triển mối quan hệ giao tiếp giữa trẻ với các thành viên trong gia đình như: ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em... mỗi quan hệ giữa trẻ với các đồ dùng trong gia đình; Tổ chức các hoạt động xã hội huy động nhiều nguồn lực phục vụ cho mục tiêu phát triển KNGT cho TTK.

1.4.5 Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp cho trẻ tự kỷ

Khả năng của trẻ; Năng lực của GV; Môi trường gia đình; Môi trường bạn bè; Môi trường lớp học; Môi trường xã hội.

Kết luận chương 1

1. TTK là những trẻ giao tiếp và tương tác kém, chậm chễ trong ngôn ngữ nói, có hành vi rập khuôn, định hình. Khó khăn lớn nhất của trẻ trong cuộc sống hằng ngày là giao tiếp.
2. Kết quả phát triển KNGT ở TTK chịu ảnh hưởng của các yếu tố tác động như: sự tập trung chú ý, mức độ Tự kỷ, các hội chứng đi kèm Tự kỷ, đặc biệt là yếu tố can thiệp sớm với các hoạt động can thiệp tổ chức trong môi trường GDHN.
3. Việc tổ chức các hoạt động nhằm phát triển KNGT cho TTK cần được nghiên cứu một cách cụ thể phù hợp với thực tiễn, tính đến các yếu tố đặc thù của TTK
4. Để phát triển KNGT cho TTK trong lớp học hòa nhập ở trường MN cần phải có sự nghiên cứu cụ thể để đưa ra những biện pháp, cách làm cụ thể GV có thể dễ dàng áp dụng vào công việc của mình để phát triển KNGT cho TTK.

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ THỰC TIỄN VÀ BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN KNGT CHO TTK

2.1 Cơ sở thực tiễn biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ tự kỷ

2.1.1 Sự phát triển giáo dục hòa nhập cho trẻ Tự kỷ ở Việt Nam

Ngày nay ở nước ta, TTK có cơ hội được đi học hòa nhập tại các trường mầm non. Dưới sự chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hệ thống quản lý công tác GD trẻ khuyết tật được hình thành trên toàn quốc và hoạt động hiệu quả (bao gồm ban chỉ đạo công tác GDHN TKT từ cấp trung ương đến cấp địa phương). Kết quả chăm sóc và giáo dục TTK trong các cơ sở giáo dục mầm non có sự cải thiện đáng kể. Để giúp TTK được phát triển tốt về mọi lĩnh vực nói chung và phát triển KNGT nói riêng cần có những nghiên cứu tìm ra cách tác động phù hợp với trẻ và môi trường GDHN.

2.1.2 Vài nét về phát triển KNGT trong chương trình GDMN ở nước ta hiện nay

Chương trình GDMN mới ban hành năm 2009 được biên soạn theo hướng chương trình khung quốc gia, mang tính tích hợp. Nội dung chương trình được cấu trúc theo 05 lĩnh vực: Phát triển thể chất, Phát triển nhận thức, Phát triển ngôn ngữ, Phát triển tình cảm – xã hội, Phát triển thẩm mỹ và được thiết kế tích hợp theo chủ đề để giúp TTK dễ dàng trong quá trình tích lũy vốn từ, cơ hội trải nghiệm để phát triển KNGT. Nội dung phát triển KNGT cho trẻ được lồng ghép trong các hoạt động.

2.1.3 Thực trạng giáo dục KNGT cho trẻ tự kỷ 3 – 4 tuổi

2.1.3.1 Những vấn đề chung về khảo sát thực trạng

* *Mục đích:* Đánh giá thực trạng nhận thức của giáo viên về tầm quan trọng của việc phát triển KNGT cho TTK; thực trạng các biện pháp giáo viên tổ chức hoạt động phát triển KNGT cho TTK; thực trạng mức độ phát triển KNGT của TTK làm cơ sở thực tiễn để đề xuất biện pháp phát triển KNGT cho TTK

* *Nội dung:* Để thực hiện được mục đích nghiên cứu trên, chúng tôi xác định các nội dung nghiên cứu thực trạng cụ thể như sau:

- Nhận thức của GV về tầm quan trọng của việc phát triển KNGT cho trẻ TTK
- Các biện pháp giáo viên đang sử dụng nhằm phát triển KNGT cho TTK
- Thuận lợi, khó khăn của GV trong tổ chức các hoạt động nhằm phát triển KNGT cho TTK.
- Mức độ phát triển KNGT của TTK 3 – 4 tuổi trong các lớp học hòa nhập ở trường MN về kỹ năng tập trung chú ý, bắt chước, luân phiên, nghe hiểu, sử dụng ngôn ngữ.

* *Quy mô và địa bàn khảo sát*

- Khảo sát giáo viên bằng phiếu hỏi và quan sát, phỏng vấn: Luận án khảo sát 60 giáo viên dạy TTK 3 – 4 tuổi trong môi trường GDHN ở khu vực thành phố Hà Nội. Các trường thuộc quận nội thành như Cầu Giấy, Đống Đa, Ba Đình. Đa số hiện nay GV làm việc trong lĩnh vực giáo dục mầm non đều đã được đào tạo bài bản đạt chuẩn trở lên. Giáo viên được đào tạo ở trình độ Cao đẳng chiếm nhiều nhất là 58,4%, sau đó là GV ở trình độ Đại học đạt 31,6%, trung cấp đạt 10%. Còn ở trình độ Thạc sỹ là không có.

- Khảo sát trẻ tự kỷ bằng quan sát và chơi trò chơi: Luận án khảo sát 30 trẻ tự kỷ có độ tuổi từ 3 - 4 tại địa bàn Quận Cầu Giấy, Ba Đình, Đống Đa Hà Nội. Chúng tôi sử dụng, thang chẩn đoán tự kỷ tuổi ấu thơ CARS kết quả thu được như sau: có 23,4% TTK có mức độ nhẹ; 60% TTK mức độ nặng; 16,6% TTK mức độ rất nặng đang học hòa nhập ở trường mầm non.

- Địa bàn khảo sát: Luận án khảo sát trên giáo viên và trẻ tự kỷ tại các địa bàn Quận Cầu Giấy, Ba Đình, Đống Đa Hà Nội

* *Phương pháp và công cụ*

Phương pháp

- *Phương pháp điều tra, khảo sát:* Phiếu khảo sát dành cho giáo viên đang trực tiếp dạy hòa nhập TTK gồm các câu hỏi nhằm thu thập thông tin và sự hiểu biết của họ về phát triển KNGT cho TTK.

- *Phương pháp quan sát sự phạm:* Quan sát 20 hoạt động (các giờ học, giờ chơi, giờ ăn, giờ ngủ, giờ đón và trả trẻ) ở trường mầm non trong điều kiện

bình thường có báo trước. Sau đó chúng tôi tiến hành thống kê và phân tích kết quả (Phụ lục 6).

- *Phương pháp nghiên cứu sản phẩm*: nghiên cứu 15 kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục của giáo viên. Nhằm tìm hiểu các mục tiêu của giáo viên đặt ra trong các hoạt động có mục tiêu riêng dành cho TTK không? Cách tổ chức của giáo viên có phù hợp với khả năng của TTK và có kết quả trên trẻ không? Chúng tôi đánh giá bản kế hoạch theo 10 chỉ số, với thang điểm 10 để làm căn cứ phân tích.

- *Phương pháp phỏng vấn sâu*: Phỏng vấn 15 phụ huynh có con tự kỷ nhằm thu thập thêm thông tin về vấn đề nghiên cứu (Phụ lục 7).

Công cụ

- Phiếu khảo sát: Phiếu khảo sát dành cho GV đang trực tiếp dạy hòa nhập TTK gồm các câu hỏi nhằm thu thập thông tin và sự hiểu biết của họ về phát triển KNGT cho TTK. Chúng tôi phát phiếu cho GV để GV tự điền thông tin sau đó chúng tôi nhận lại phiếu. Để đảm bảo sự trung thực trong trả lời, GV không cần ghi tên và thông tin cá nhân vào phiếu (phụ lục 5).

- Bảng đánh giá kỹ năng: Công cụ được sử dụng để đánh giá KNGT của TTK 3 – 4 tuổi trong lớp học hòa nhập ở trường MN, trong luận án này dựa trên 5 tiêu chí ở phần phụ lục 2.

2.1.3.2 Kết quả khảo sát về nhận thức của GV về tầm quan trọng của việc phát triển KNGT cho TTK

96,6% ý kiến của giáo viên đều cho rằng việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK là rất cần thiết, 3,4% ý kiến của giáo viên cho rằng việc phát triển KNGT cho TTK là chưa cần thiết vì TTK của lớp mà họ dạy là trẻ nặng, chưa biết nói. Việc quan trọng nhất đối với GV trước mắt là làm thế nào để cho trẻ biết nói.

2.1.3.3 Kết quả khảo sát về các biện pháp giáo viên đã sử dụng để phát triển KNGT cho TTK trong lớp học hòa nhập ở trường mầm non

Tên biện pháp	Mức độ rèn luyện		
	Thường xuyên	Đôi khi	Không bao giờ
- Tìm hiểu thông tin về trẻ, đánh giá khả năng giao tiếp của trẻ.	0%	25%	75%
- Xây dựng kế hoạch phát triển KNGT để dạy cho trẻ	0%	20%	80%
- Tổ chức cho TTK chơi theo các góc chơi	0%	23%	67%
- Khuyến khích, động viên TTK sử dụng ngôn ngữ nói	0%	15%	85%
- Tạo ra các tình huống có vấn đề hằng ngày nhằm kích thích trẻ giao tiếp	0%	26,6%	74,4%
- Thiết lập mối quan hệ gần gũi, thân mật giữa cô giáo và các trẻ khác với TTK	0%	10%	90%
- Xây dựng vòng tay bạn bè khuyến khích trẻ giao tiếp	0%	21,6%	79,4%
- Giao nhiệm vụ cho TTK trong từng hoạt động hằng ngày:	0%	23,3%	76,7%
- Tạo cơ hội cho trẻ giao lưu, tiếp xúc với cộng đồng để trẻ tự tin trong giao tiếp	0%	31,7%	68,3%
- Luyện giao tiếp cho trẻ thông qua tranh ảnh	0%	18,3%	81,7%
- Luyện giao tiếp mắt – mắt khi giao tiếp với cô giáo và các bạn	0%	11,6%	88,4%
- Giao bài tập cho phụ huynh hằng ngày	0%	20%	80%
- Phối hợp với phụ huynh để phát triển KNGT cho trẻ trong sinh hoạt hằng ngày	0%	45%	55%

Tóm lại, các biện pháp mà giáo viên đã sử dụng trong quá trình dạy trẻ hằng ngày chúng tôi nhận thấy. Về cơ bản giáo viên đã nhận thức được tầm quan trọng của việc phát triển KNGT cho TTK 3 - 4 tuổi. Đồng thời giáo viên cũng đã cố gắng lựa chọn và áp dụng một số cách để phát triển KNGT cho trẻ. Tuy nhiên trong quá trình áp dụng các cách này còn chưa linh hoạt và chưa hiểu hết ý nghĩa của nó đối với TTK, chưa phối hợp nhịp nhàng đồng bộ với

nhau. Khi sử dụng còn đơn điệu, rời rạc, thiếu hệ thống. Do đó khả năng giao tiếp của TTK còn chưa được rèn luyện nhiều, trẻ luôn thụ động và chưa chủ động trong tất cả các hoạt động hằng ngày. Do vậy, để phát triển KNGT cho TTK rất cần GV sử dụng đồng bộ các cách làm, để trẻ có thể phát triển, mở rộng được vốn từ, giao tiếp được với cô giáo và các bạn, học được kiến thức văn hóa để trở thành những con người trong xã hội giống như các trẻ khác.

2.1.3.4 Kết quả khảo sát về thuận lợi và khó khăn của GV trong việc phát triển KNGT cho TTK

* *Về thuận lợi:* Giáo viên nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Ban giám hiệu Nhà trường để giúp cho TTK học hòa nhập. Các trẻ tự kỷ đang học hòa nhập trong trường ít hành vi diễn. Trẻ học hòa nhập trong trường được đối xử công bằng, không phân biệt đối xử, được các bạn trong lớp quan tâm, giúp đỡ. Giáo viên được tham dự các lớp bồi dưỡng chuyên môn về GDHN cho TTK nên cũng biết chút kiến thức và kỹ năng để dạy hòa nhập cho trẻ thuộc đối tượng này.

* *Về khó khăn:* TTK đều có biểu hiện chậm nói, vốn từ của trẻ so với các bạn bình thường ít hơn. Do đặc trưng vốn từ của trẻ ít nên trong quá trình tiếp xúc, giao tiếp với cô giáo và các bạn TTK gặp rất nhiều khó khăn để khởi xướng cuộc giao tiếp.

2.1.3.5 Mức độ phát triển kỹ năng giao tiếp của TTK 3 – 4 tuổi

Luận án tiến hành khảo sát, đánh giá KNGT của 30 trẻ tự kỷ 3 – 4 tuổi đang học hòa nhập ở các trường mầm non thuộc quận Cầu Giấy, Ba Đình, Đống Đa Hà Nội. Tất cả 30 trẻ được khảo sát đều nằm trong độ tuổi từ 3 – 4 tuổi, độ tuổi của nhóm trẻ khảo sát dao động từ 36 đến 48 tháng, thấp nhất là 36 tháng và cao nhất là 47 tháng tuổi, với số trung bình là 40,2 tháng tuổi, độ lệch chuẩn là 3,387 điểm. Thời gian khảo sát là tháng 4,5 năm 2010. Luận án sử dụng Bảng đánh giá KNGT làm công cụ đánh giá (phụ lục 2)

Tổng hợp kết quả khảo sát 30 trẻ ở tất cả các tiêu chí đo được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2.2: Thống kê mô tả kết quả đánh giá kỹ năng giao tiếp của TTK

Nhóm Kỹ năng	Số lượng	Cực tiểu	Cực đại	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thống kê mô tả	Sai số chuẩn	Thống kê mô tả	Sai số chuẩn
Tháng tuổi	30	36.00	47.00	40.2000	3.38760	.129	.427	-1.277	.833
Tập trung chú ý	30	.00	9.00	2.1667	2.70483	1.256	.427	.471	.833
Bất chước	30	.00	8.00	1.8333	2.40808	1.194	.427	.429	.833
Luân Phiên	30	.00	4.00	1.3000	1.39333	.649	.427	-.824	.833
Nghe hiểu ngôn ngữ	30	.00	7.00	1.8333	1.96668	1.269	.427	1.405	.833
Sử dụng ngôn ngữ	30	.00	9.00	2.3667	2.57954	1.062	.427	.262	.833
Tổng điểm	30	1.00	28.00	9.5000	7.34260	1.011	.427	.507	.833
Hợp lệ	30								

Nhận xét kết quả khảo sát

- Mức độ phát triển chung về KNGT của TTK 3 – 4 tuổi đang học hòa nhập ở các trường mầm non là rất thấp dựa trên kết quả khảo sát về tập trung chú ý, bất chước, luân phiên, nghe hiểu ngôn ngữ và diễn đạt ngôn ngữ.
- Mức độ tập trung chú ý của TTK còn kém. Do vậy cần chú ý rèn luyện kỹ năng này, đây là kỹ năng cơ bản tiền đề cho sự phát triển KNGT của TTK.
- Mức độ bất chước, luân phiên của trẻ còn kém nên cần có chiến lược phát triển nhóm kỹ năng này bằng những biện pháp cụ thể và thực hiện liên tục trong tất cả các hoạt động hằng ngày ở trường mầm non.
- Kỹ năng nghe hiểu ngôn ngữ và kỹ năng sử dụng ngôn ngữ của trẻ còn kém. Trẻ mới có khả năng nghe hiểu những mệnh lệnh đơn giản trong cuộc sống hàng ngày. Đối với những nội dung giao tiếp có đi kèm kỹ năng luân phiên trong quá trình giao tiếp thì đa số trẻ chưa thực hiện được.
- Để phát triển KNGT cho TTK cần phải tiến hành đồng bộ các biện pháp cho trẻ hòa nhập với các trẻ bình thường để trẻ học những cách tương tác, cử chỉ, hành động, lời nói của trẻ bình thường về rèn sự tập trung chú ý cho trẻ, dạy

trẻ cách bắt chước để vận dụng vào quá trình giao tiếp.

*** Đánh giá chung về thực trạng biện pháp phát triển KNGT cho TTK**

- Về mặt tích cực: Đa số giáo viên đều có nhiệt tình, yêu nghề, yêu trẻ.

GV dạy lớp hòa nhập có TTK đã có nhận thức rõ được tầm quan trọng của việc phát triển KNGT cho TTK, đã thực hiện rèn cho trẻ một số kỹ năng.

Bước đầu giáo viên đã áp dụng một số biện pháp phát triển KNGT cho TTK như rèn tập trung chú ý cho trẻ, dạy trẻ cách bắt chước.

- Về mặt hạn chế

Kiến thức, kỹ năng thực hiện các hoạt động chuẩn bị cho việc phát triển KNGT của GV dành cho trẻ chưa tốt, chưa phù hợp với đặc trưng của lớp học hòa nhập.

Việc hiểu và áp dụng các biện pháp phát triển KNGT cho TTK của GV chưa đầy đủ và đúng đắn, dẫn tới việc áp dụng còn mờ nhạt, thiếu hệ thống.

- Nguyên nhân của thực trạng: Việc phát triển KNGT cho TTK chưa được các nhà nghiên cứu quan tâm đúng mức, điều đó dẫn tới sự thiếu nghiên cứu một cách có hệ thống về các biện pháp phát triển KNGT cho trẻ ở lớp mẫu giáo hòa nhập nói chung và TTK nói riêng.

Thực trạng tổ chức các hoạt động nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK và thực trạng giao tiếp của TTK đã cho thấy tính cấp thiết của việc nghiên cứu và đưa ra biện pháp nhằm phát triển KNGT cho TTK 3 – 4 tuổi trong lớp học hòa nhập ở trường mầm non.

2.2 Đề xuất biện pháp phát triển KNGT cho trẻ Tự kỷ 3 – 4 tuổi

Căn cứ vào kết quả nghiên cứu lý luận, nghiên cứu thực tiễn luận án đề xuất 10 biện pháp nhằm phát triển KNGT cho trẻ tự kỷ như sau:

- Biện pháp 1: Đánh giá mức độ giao tiếp hiện tại của trẻ
- Biện pháp 2: Xây dựng kế hoạch phát triển kỹ năng giao tiếp
- Biện pháp 3: Phối hợp với phụ huynh
- Biện pháp 4: Sử dụng các kỹ thuật luyện giao tiếp
- Biện pháp 5: Giao tiếp tổng thể

- Biện pháp 6: Hỗ trợ cá nhân
- Biện pháp 7: Xây dựng vòng tay bạn bè
- Biện pháp 8: Tạo cơ hội cho trẻ giao lưu, tiếp xúc với cộng đồng
- Biện pháp 9: Tạo môi trường thân thiện
- Biện pháp 10: Tạo ra các tình huống có vấn đề

Kết luận chương 2

1. KNGT của TTK chưa được rèn luyện nhiều, trẻ còn thụ động trong các hoạt động hằng ngày ở trường mầm non.
2. Kết quả đánh giá KNGT của TTK cho thấy mức độ phát triển chung về giao tiếp của TTK là thấp dựa trên 25 tiêu chí ở 5 nhóm là tập trung chú ý, bắt chước, luân phiên, nghe hiểu ngôn ngữ và sử dụng ngôn ngữ còn thấp.
3. Đa số ý kiến của GV cho rằng họ gặp những khó khăn trong phát triển KNGT cho TTK như: thiếu chương trình tài liệu về TTK và những hướng dẫn mang tính cầm tay chỉ việc để họ áp dụng vào trong công việc một cách dễ dàng, đặc biệt trong việc phát triển giao tiếp cho TTK; GV chưa hiểu biết đầy đủ về cách tổ chức các hoạt động nhằm phát triển KNGT cho TTK trong lớp học hòa nhập ở trường MN. Lớp học đông, công việc nhiều, không có phòng học cá nhân dành cho TTK nên hiệu quả phát triển KNGT của TTK còn thấp.
4. Để phát triển KNGT cho TTK trong lớp học hòa nhập ở trường MN cần phải có sự phối hợp đồng bộ giữa gia đình – nhà trường và cần có những biện pháp, cách làm cụ thể GV có thể dễ dàng áp dụng vào công việc của mình để phát triển KNGT cho TTK.
5. Các biện pháp tổ chức phát triển KNGT cho TTK 3 – 4 tuổi được chúng tôi xây dựng gồm 10 biện pháp, các biện pháp này đều có mối liên hệ và bổ sung cho nhau trong quá trình tổ chức phát triển KNGT cho TTK trong lớp học hòa nhập ở trường mầm non cần được giáo viên vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo phù hợp với điều kiện của lớp và đặc điểm từng cá nhân trẻ.

CHƯƠNG 3: THỰC NGHIỆM BIỆN PHÁP

PHÁT TRIỂN KĨ NĂNG GIAO TIẾP CHO TRẺ TỰ KỶ 3 – 4 TUỔI

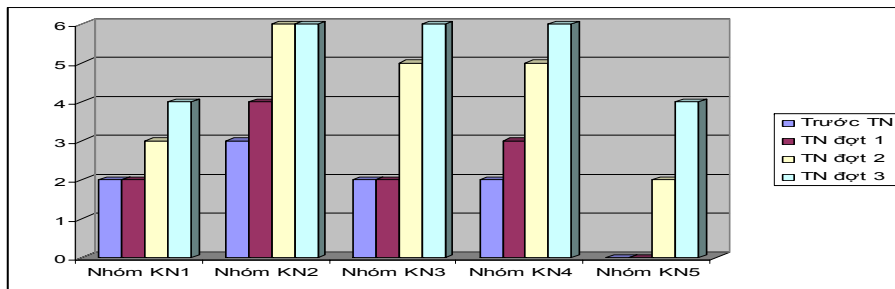
3.1 Những vấn đề chung về thực nghiệm

Chúng tôi chọn 05 TTK làm nghiên cứu sâu và chọn trường mầm non thực hành Hoa Sen – Giảng Võ, Trường mầm non Yên Hòa, trường mầm non Justkid thuộc quận Cầu Giấy làm địa bàn thực nghiệm.

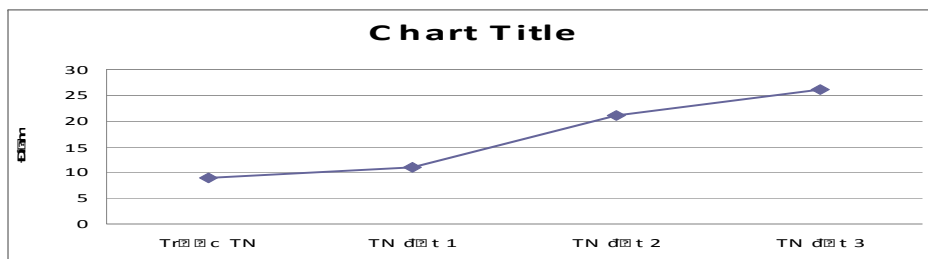
3.2 Kết quả thực nghiệm

3.2.1 Trường hợp 1: Bé Nh.A (39 tháng tuổi)

Áp dụng các biện pháp thực nghiệm trên bé Nh.A đã cho thấy rõ sự tiến bộ của Nh.A. Điều này cho thấy KNGT của Nh.A có sự tiến bộ về kĩ năng tập trung chú ý, bắt chước, luân phiên, nghe hiểu ngôn ngữ và đặc biệt là kĩ năng sử dụng ngôn ngữ trong quá trình giao tiếp.



Biểu đồ 3.3 Kết quả thực nghiệm của bé Nh.A qua các lần đo



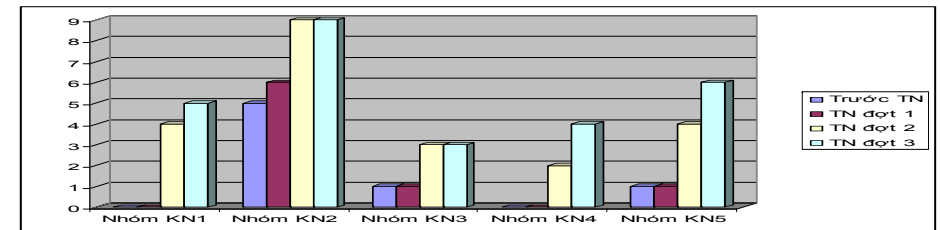
Biểu đồ 3.4: Điểm trung bình cộng 5 tiêu chí KNGT của bé Nh.A qua các lần đo TN

Cuối TN chúng tôi đánh giá về KNGT chúng tôi tiến hành đo kết quả các mặt phát triển của Nh.A theo bảng đánh giá KN Small Step kết quả cho thấy: Tuổi đời 48 tháng, tuổi trí tuệ là 35 tháng (trước TN tuổi đời là 39th và tuổi trí tuệ là 24,2th. Tiêu chí chẩn đoán DSM-IV: Nh.A có 17/49 dấu hiệu (trước TN là 38/49 dấu hiệu). Thang CARS Nh.A đạt 36 điểm, mức độ nhẹ (trước TN là mức độ nặng). Kết quả đánh giá về hành vi: Nh.A không còn hành vi ăn vạ, chạy vòng tròn, đi nhón chân.

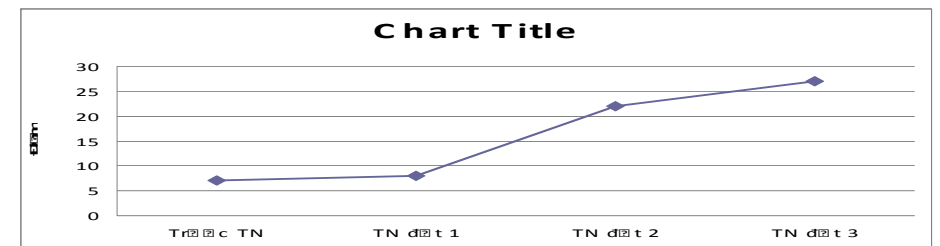
Có được kết quả trên là do chúng tôi đã áp dụng 10 biện pháp phát triển KNGT vào trong quá trình thực nghiệm Nh.A. Trong đó biện pháp 4 (Áp dụng các kĩ thuật phát triển kĩ năng giao tiếp cho TTK), biện pháp 6 (hỗ trợ cá nhân), biện pháp 8 được coi là những biện pháp có ý nghĩa trực tiếp với Nh.A.

3.2.2 Trường hợp 2: Bé DA (39 tháng)

Áp dụng các biện pháp thực nghiệm trên bé DA đã cho thấy rõ sự tiến bộ của DA. Điều này cho thấy KNGT của bé có sự tiến bộ về kĩ năng tập trung chú ý, bắt chước, luân phiên, nghe hiểu ngôn ngữ và sử dụng ngôn ngữ, trong đó tiến bộ rõ nét nhất là KN chú ý.



Biểu đồ 3.7 Kết quả thực nghiệm của bé DA qua các lần đo



Biểu đồ 3.8 Điểm trung bình cộng 5 tiêu chí KNGT của bé DA qua các lần đo TN

Chúng tôi tiến hành đo kết quả các mặt phát triển của DA theo Bảng đánh giá KN Small Step thì kết quả cho thấy: Tuổi đời 48th, tuổi trí tuệ là 36th (trước TN tuổi đời là 39th và tuổi trí tuệ là 24). Tiêu chí chẩn đoán DSM-IV: DA có 18/49 dấu hiệu (trước TN là 36/49). Thang CARS: DA đạt 35 điểm mức độ nhẹ (trước TN là 40 điểm mức độ nặng). Kết quả đánh giá về hành vi: DA giảm hành vi thích chơi một mình, đi xung quanh lớp, nói các từ linh tinh.

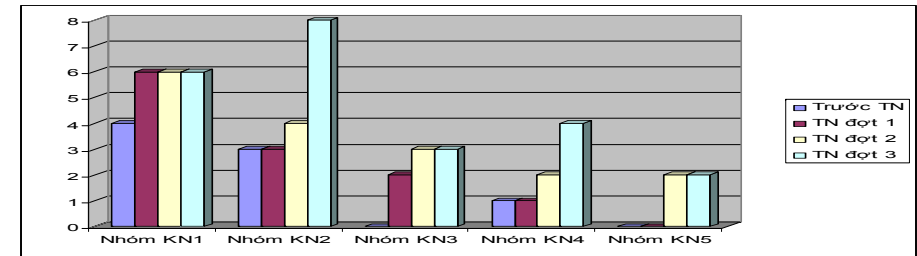
Có được kết quả trên là do giáo viên đã áp dụng 10 biện pháp phát triển KNGT vào trong quá trình thực nghiệm DA. Trong đó biện pháp biện pháp 3 (Phối hợp với phụ huynh), biện pháp 6 (hỗ trợ cá nhân tại trường mầm non và tại Trung tâm Can thiệp sớm), Biện pháp 7 (xây dựng vòng tay bạn bè) được coi là những biện pháp có ý nghĩa trực tiếp với DA.

3.2.3 Trường hợp 3: Bé MĐ (39 tháng tuổi)

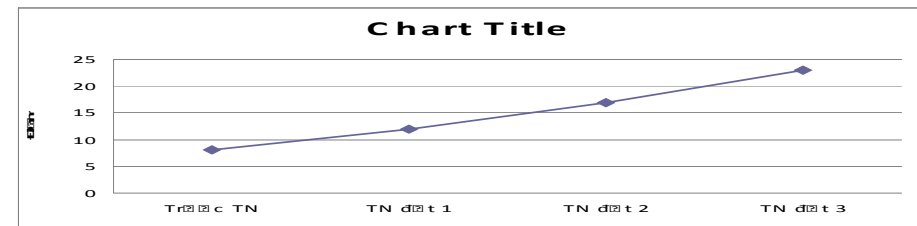
Áp dụng các biện pháp thực nghiệm trên bé MĐ chúng tôi đã thấy có sự thay đổi tích cực KNGT của bé MĐ. Điều này cho thấy KNGT của bé có sự tiến bộ về KN tập trung chú ý, bắt chước, luân phiên, nghe hiểu ngôn ngữ và sử dụng ngôn ngữ. Trong đó tiến bộ nhất là KN luân phiên.

Bên cạnh đánh giá về KNGT chúng tôi tiến hành đo kết quả các mặt phát triển của MĐ theo Bảng đánh giá KN Small Step thì kết quả cho thấy: Tuổi đời 47th, tuổi trí tuệ là 38th (Trước TN tuổi đời là 39 và tuổi trí tuệ là 23). Tiêu chí chẩn đoán DSM-IV MĐ có 12/49 dấu hiệu (Trước TN là 32/49 dấu hiệu). Thang CARS: MĐ đạt 35 điểm, mức độ nhẹ (Trước TN là 38 điểm mức độ nặng). Kết quả đánh giá về hành vi: MĐ không còn hành vi nhại lời, hay chạy lăng xăng nữa.

Trong tất cả 10 biện pháp đề xuất chúng tôi nhận thấy biện pháp 4 (Áp dụng các kỹ thuật phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK), biện pháp 6 (hỗ trợ cá nhân MN, Trung tâm, Gia đình), Biện pháp 9 (tạo môi trường thân thiện) rất tốt cho MĐ.



Biểu đồ 3.11 Kết quả thực nghiệm của bé MĐ

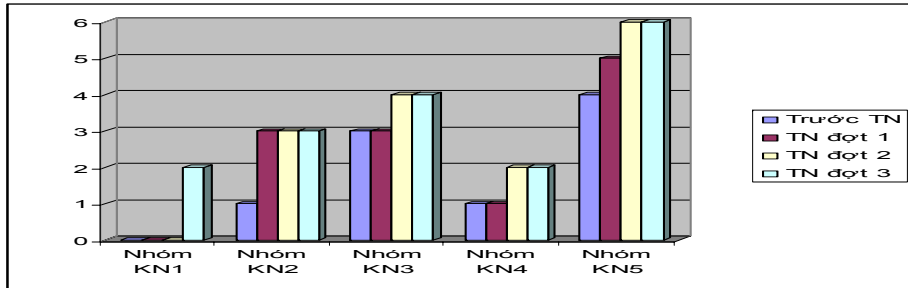


Biểu đồ 3.12: Điểm trung bình cộng 5 tiêu chí KNGT của bé MĐ qua các lần đo

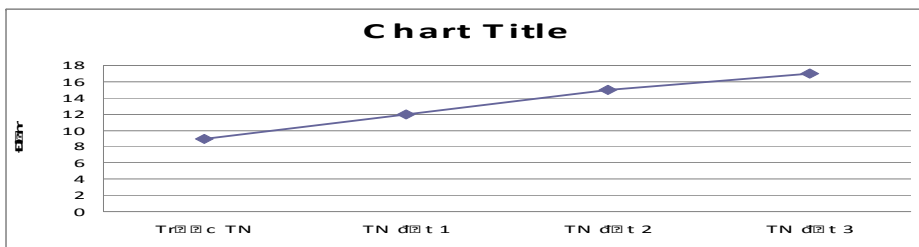
3.2.4 Trường hợp 4: Bé ĐA (33 tháng)

Qua các lần đo của quá trình thực nghiệm cho thấy tất cả các tiêu chí đo kết quả TN ở bé ĐA đều có sự thay đổi theo hướng tích cực, rõ nét nhất của ĐA là ở KN bắt chước.

Chúng tôi tiến hành đo kết quả các mặt phát triển của ĐA theo Bảng đánh giá KN Small Step thì kết quả cho thấy: Tuổi đời 42th, tuổi trí tuệ là 33th (Trước TN tuổi đời là 33th và tuổi trí tuệ là 22,6th). Tiêu chí chẩn đoán DSM-IV: ĐA có 18/49 dấu hiệu (trước TN là 41/49 dấu hiệu). Thang CARS: ĐA đạt 33 điểm, mức độ nhẹ (Trước TN là 43 điểm, mức độ nặng). Kết quả đánh giá về hành vi giảm hẳn hành vi thích chơi một mình, nói các từ linh tinh, quay tròn. Trong tất cả 10 biện pháp đề xuất chúng tôi nhận thấy biện pháp 4 (Áp dụng các kỹ thuật phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK), biện pháp 6 (hỗ trợ cá nhân), Biện pháp 9 (tạo môi trường thân thiện) rất tốt cho ĐA và thể hiện sự tiến bộ rõ rệt.



Biểu đồ 3.15 Kết quả thực nghiệm của bé DA qua các lần đo



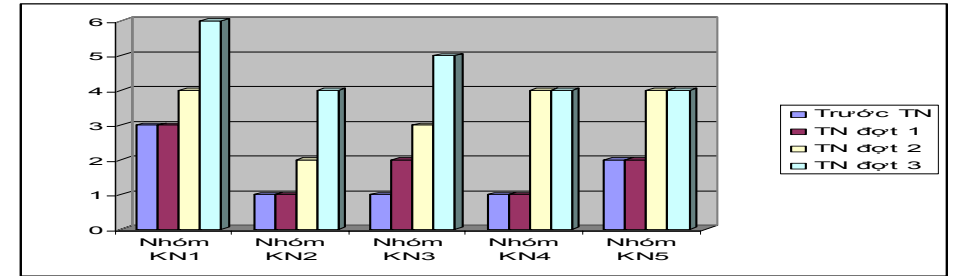
Biểu đồ 3.16: Điểm trung bình cộng 5 tiêu chí KNGT của bé DA qua các lần đo TN

3.2.5 Trường hợp 5: Bé DKH (34 tháng tuổi)

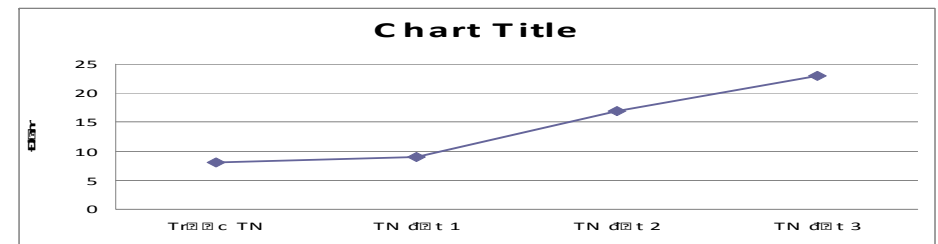
Nhìn vào các biểu đồ 3.19 và 3.20 cho thấy tất cả các tiêu chí đo kết quả TN ở bé DKH đều có sự thay đổi theo hướng tích cực ở tất cả các lần đo. Kết quả này cho thấy KNGT của bé có sự tiến bộ đặc biệt là nhóm KN nghe hiểu ngôn ngữ.

Chúng tôi tiến hành đo kết quả các mặt phát triển của DKH theo Small Step thì kết quả cho thấy: Tuổi đời 43th, tuổi trí tuệ là 35th (trước TN tuổi đời là 34th và tuổi trí tuệ là 23,8th). DSM-IV: DKH có 11/49 dấu hiệu (trước TN là 28/49 dấu hiệu). Bảng CARS: DKH đạt 32 điểm, mức độ nhẹ (trước TN là 36 điểm, mức độ nhẹ). Kết quả đánh giá về hành vi giảm hẳn hành vi đi nhón chân, nhại lời, nói các từ linh tinh.

Trong tất cả 10 biện pháp có biện pháp 4 (Áp dụng các kỹ thuật phát triển KNGT cho TTK), biện pháp 6 (có GV hỗ trợ tại trường mầm non, Gia đình), Biện pháp 10 (tạo tình huống có vấn đề) phù hợp với DKH



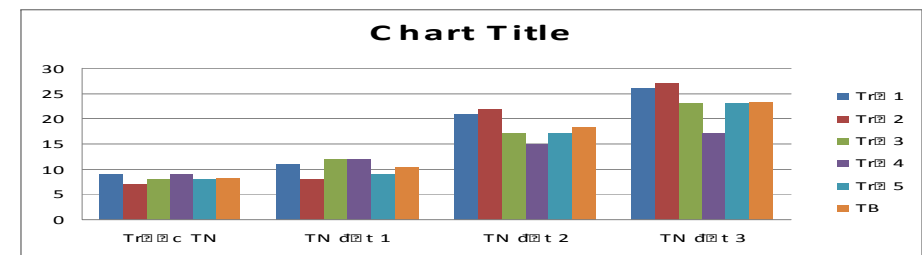
Biểu đồ 3.19 Kết quả thực nghiệm của bé DKH qua các lần đo



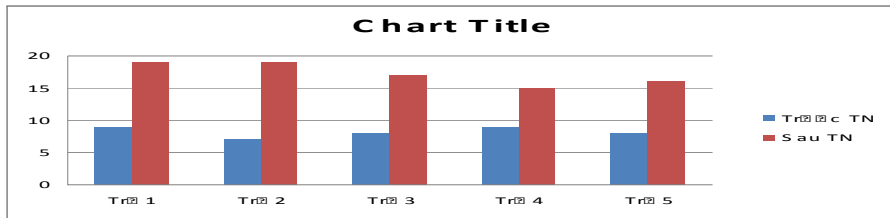
Biểu đồ 3.20: Điểm trung bình cộng 5 tiêu chí KNGT của bé DKH qua các lần đo TN

3.2.6 Một số ý kiến bình luận về 05 trường hợp nghiên cứu

Các biểu đồ 3.11 và 3.12 cho thấy kết quả TN đạt được ở 5 trường hợp nghiên cứu không giống nhau. Trường hợp bé Nh.A và DA đạt điểm cao nhất là 19 điểm ở lần đo thứ 3, KNGT của các bé cao hơn hẳn so với thời gian đo trước TN. Bé MĐ đạt điểm thấp nhất so với 4 bạn trong nhóm TN là 15 điểm ở lần đo thứ 3.



Biểu đồ 3.11: So sánh điểm của 5 trẻ các lần đo



Biểu đồ 3.12: So sánh điểm của 5 trẻ trước thực nghiệm và sau thực nghiệm

Kết luận chương 3

1. Giao tiếp của TTK 3 – 4 tuổi học hòa nhập ở trường mầm non có sự tiến bộ có ý nghĩa thống kê dưới tác động của các biện pháp thực nghiệm
2. Kết quả thực nghiệm khẳng định biện pháp phát triển KNGT cho TTK 3 – 4 tuổi được áp dụng tại lớp học hòa nhập ở trường MN là hợp lý và có hiệu quả việc nâng cao khả năng giao tiếp của TTK.
3. Thực nghiệm áp dụng toàn bộ biện pháp đã được xây dựng, song ở từng thời điểm và từng trẻ thì mức độ áp dụng các biện pháp khác nhau. Do vậy, trong giáo dục TTK chúng ta cần chú trọng đến tính cá biệt.
4. Kết quả thực nghiệm đạt được khác nhau ở các trẻ trong luận án này cũng mở ra hướng nghiên cứu mới về các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển KNGT cho TTK. Từ khi phát hiện, can thiệp cho đến tổ chức GDHN, hỗ trợ GDHN như thế nào để TTK có thể khắc phục những khiếm khuyết của mình, phát triển KNGT một cách tốt nhất. Tất cả các yếu tố cần theo một quá trình và mỗi KNGT đều có mối liên hệ với nhau.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

- TTK là những trẻ chậm chễ trong ngôn ngữ nói hoặc ngôn ngữ nói khác thường; giao tiếp và tương tác kém, có những hành vi rập khuôn, định hình, khả năng tư duy trừu tượng kém. Mỗi TTK đều có đặc điểm khác nhau nhưng có một điểm chung là khó khăn về giao tiếp.
- Hiện nay TTK đã được học hòa nhập ở các trường MN, khó khăn lớn nhất của TTK khi học hòa nhập ở trường MN là giao tiếp. Vốn từ ít, khó khởi

xương cuộc giao tiếp nên trong hoạt động hằng ngày trẻ gặp nhiều khó khăn khi giao tiếp với cô giáo và các bạn.

- Việc nghiên cứu và xây dựng các biện pháp phát triển KNGT cho TTK 3 – 4 tuổi được tiến hành dựa trên đặc điểm của TTK. Các biện pháp tổ chức phát triển KNGT cho TTK được xây dựng đảm bảo yêu cầu chung trong tổ chức các hoạt động hằng ngày ở trường mầm non, đảm bảo vai trò chủ thể của trẻ trong quá trình tham gia các hoạt động, tạo tương tác tích cực giữa trẻ bình thường và TTK trong hoạt động.

- Bằng kết quả thực nghiệm đã chứng minh rằng: 10 biện pháp cụ thể được nghiên cứu và đề xuất trong luận án là một hệ thống liên hoàn, chặt chẽ, mang tính khoa học, độ tin cậy, tính khả thi và hiệu quả cao trong điều kiện của nước ta hiện nay.

- Để giúp TTK phát triển KNGT rất cần các biện pháp tác động của GV phù hợp và bên cạnh đó cần có sự phối hợp đồng bộ của gia đình – nhà trường – xã hội.

2. Khuyến nghị

- Nhà trường nên có sự hỗ trợ đồng viên với các giáo viên dạy lớp hoà nhập có trẻ khuyết tật nói chung và TTK nói riêng, nên sắp xếp số lượng trẻ trong lớp có TTK phù hợp có 1 đến 2 trẻ trong một lớp, nên tổ chức những lớp tập huấn nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng, phương pháp chăm sóc và giáo dục cho giáo viên dạy hòa nhập TTK, tạo môi trường thuận lợi cho TTK phát triển trong môi trường học tập, vui chơi hoà nhập.

- Giáo viên dạy hòa nhập TTK cần tự trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ của mình để có sự hiểu biết hơn về TTK. Chủ động liên lạc với gia đình trẻ để xây dựng những kế hoạch và có những phương pháp, biện pháp dạy trẻ tốt hơn.

- Phụ huynh cần chủ động liên hệ với GV để trao đổi về vấn đề của con ở trường, chủ động tìm tài liệu, học hỏi kinh nghiệm, có thái độ thông cảm, với giáo viên, tích cực tìm hiểu về những PP dạy con hiệu quả, tiếp thu lắng nghe ý kiến, kinh nghiệm của những người đi trước hay những người có kinh nghiệm trong dạy con để giúp con mình tiến bộ.